TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diệnViện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983.
HKTT: Tổ A, thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Chỗ ở hiện nay: Đường B, khu phố C, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh M, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
(Chị Th, anh M vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Th, trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì chị Th và anh M mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2002 và đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện

C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với gia đình chồng. Sống được một thời gian thì vợ chồng ra sống riêng trên nhà đất do nhà cha mẹ chồng cho. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến khi chị Th buôn bán ve chai, có thu nhập cao thì anh M không còn chăm lo đến cuộc sống gia đình. Anh M thường xuyên ăn nhậu rồi về kiếm cớ gây gổ, đánh đập chị Th. Giữa vợ chồng không còn sự tin tưởng, quan tâm, chia sẻ. Từ cuối năm 2014 chị Th và anh M ly thân. Nay, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị Th xin được ly hôn với anh M.

Về nuôi con chung: Chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 người con chung là Trần Khánh H, sinh ngày 03-9-2003; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 20-7-2005 và Trần Ngọc H, sinh ngày 11-10-2007 và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá giải quyết, bị đơn anh Trần Thanh M, trình bày: Anh M thống nhất với trình bày của chị Th về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng vào năm 2012 khi chị Th đi làm công ty thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống. Anh M thừa nhận, trong khi vợ chồng gây gổ nhau vì quá bức xúc nên trong một lần không kiềm chế được nên có đánh chị Th. Đến khoảng đầu năm 2014 thì chị Th lại bỏ nhà đi làm ăn xa bỏ mặc 03 người con cho anh M nuôi dưỡng. Đến cuối năm 2014 thì chị Th quay về và dẫn theo 03 người con chung rời khỏi nhà. Anh M xét thấy tình cảm vợ chồng cũng khó có thể hàn gắn được nhưng vì là người theo đạo Công giáo nên không đồng ý thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương theo yêu cầu của chị Th.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Khánh H, sinh ngày 03-9-2003; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 20-7-2005 và Trần Ngọc H, sinh ngày 11-10-2007 cho chị Th được quyền nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Th và anh M không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:* Chị Th và anh M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay chị Th yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của

anh M là xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Th, anh M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh M trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 3 năm 2004 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không còn tin tưởng nhau, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Cuối năm 2014 thì chị Th dẫn theo 03 người con chung ra ngoài sinh sống cho đến nay. Trong thời gian này thì anh M có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả vì chị Th không đồng ý quay về. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để các bên đoàn tụ lo cho con chung nhưng vẫn không có kết quả. Anh M xác nhận tình cảm vợ chồng cũng không hàn gắn được nhưng anh M không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì anh M là người theo đạo Công giáo. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh M ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn với anh M.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh M có 03 người con chung là Trần Khánh H, sinh ngày 03-9-2003; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 20-7-2005 và Trần Ngọc H, sinh ngày 11-10-2007. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay thì chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu và hiện các cháu đều đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống chung với mẹ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận của anh M và chị Th về việc chị Th được quyền nuôi dưỡng con chung và anh M không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Th và anh M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Thanh M.

2.Về nuôi con chung:

Giao con chung Trần Khánh H, sinh ngày 03-9-2003; Trần Thị Cẩm L, sinh ngày 20-7-2005 và Trần Ngọc H, sinh ngày 11-10-2007 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu anh Trần Thanh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Thanh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0002142 ngày 28 tháng 5 năm 2018; Chị Nguyễn Thị Th đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-9-2018), đối với chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Thanh M vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT**;**
-VKSND H.Châu Đức;
-Chi cục THADS H.Châu Đức;
-UBND xã L;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa